TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẾN TRE** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 116/2024/HS-ST
Ngày: 25/12/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE, TỈNH BẾN TRE

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Thùy Dương
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trịnh Ngọc Hồng
2. Bà Nguyễn Thị Bé Em

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Quốc Vương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Ngọc Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 12 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 93/2024/TLST-HS ngày 20/11/2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 103/2024/QĐXXST-HS ngày 05/12/2024, đối với bị cáo:

Nguyễn Nhật D, sinh năm 1999 tại tỉnh Bến Tre; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: số A, đường N, khu phố C, phường A, thành phố B, tỉnh Bến Tre; chỗ ở trước khi bị tạm giam: số B, ấp B, xã S, thành phố B, tỉnh Bến Tre; trình độ văn hóa: 8/12; nghề nghiệp: làm thuê; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1971và bà Tôn Thị Hồng V, sinh năm 1971; bị cáo chưa có vợ con; tiền án: không; tiền sự: không.

Nhân thân: ngày 26/02/2019 bị Công an thành phố B xử phạt vi phạm số tiền 3.000.000 đồng về hành vi "Xâm hại đến sức khỏe của người khác" (Quyết định Số 57/QĐ-XPVPHC); ngày 01/11/2024 bị Công an thành phố B xử phạt số tiền 5.000.000 đồng về hành vi "Sử dụng trái phép chất ma túy" và "Tàng trữ trái phép chất ma túy nhưng chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự" (Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 180/QĐ-XPHC, chưa đóng phạt).

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 06/4/2024 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại tòa.

- *Bị hại:* Đỗ Lâm Huy T, sinh năm 2004; nơi cư trú: số A, khu phố A, phường H, thành phố B, tỉnh Bến Tre. Vắng mặt

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Võ Thị Minh N, sinh năm 2002; nơi cư trú: số A, ấp A, xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre. Vắng mặt

2. Tôn Thị Hồng V, sinh năm 1971; nơi cư trú: số A đường N, phường A, thành phố B, tỉnh Bến Tre. Vắng mặt

- *Người làm chứng:*

1. Huỳnh Thanh Â, sinh năm 1991; nơi cư trú: số F, ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre. Vắng mặt

2. Huỳnh Anh H1, sinh năm 2002; nơi cư trú: khu phố B, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre. Vắng mặt

3. Nguyễn Hoàng L, sinh năm 1984; nơi cư trú: số I, đường N, khu phố E, phường A, thành phố B, tỉnh Bến Tre. Vắng mặt

4. Nguyễn Minh L1, sinh năm 1992; nơi cư trú: số A, ấp A, xã S, thành phố B, tỉnh Bến Tre. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ 05 phút ngày 04/4/2024, trong lúc uống nước tại quán C ở ấp A, xã S, thành phố B, Đỗ Lâm Huy T và bạn của T là Huỳnh Anh H1 gặp Nguyễn Nhật D và bạn của D tên N1 (không rõ họ tên, địa chỉ cụ thể). D đến hỏi mượn T 65.000 đồng để thanh toán tiền nước nhưng T không cho mượn và T kêu D lấy điện thoại của D để cầm cho quán. D đưa điện thoại nhờ T gửi cho quán và nói về nhà người bạn lấy tiền lại trả thì T chủ động đề nghị để T đi theo D lấy tiền do T thấy mình cũng có trách nhiệm bởi T là người trực tiếp đưa điện thoại để cầm với quán. Sau đó, D điều khiển xe mô tô Biển số 71B4 - 885.37 chở N1, H1 điều khiển xe mô tô Biển số 71B1 - 541.46 chở T cùng đi về hướng xã P, thành phố B.

Khi đến khu vực cầu T, xe của T và N1 hết xăng, D kêu T sang đi cùng D còn H1, N1 đứng đợi. Khi D chở T đến khu vực lộ B, ấp P xã P, thành phố B, D mượn điện thoại của T để gọi thì T yêu cầu D đọc số điện thoại để T bấm số. Thấy T lấy điện thoại hiệu Iphone ra, D biết là điện thoại có giá trị, D nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản nên D đọc số không có thật để T không gọi được. Sau đó, D hỏi mượn điện thoại để nhắn tin thì T đồng ý. Thấy D nhắn tin xong, T đòi lại điện thoại nhưng D không trả, D lấy ra 01 dao bấm chỉ về phía T và đe dọa "Chết mẹ à". T hoảng sợ bỏ chạy, D lấy điện thoại của T, điều khiển xe mô tô 71B4 - 885.37 trở về cầu T gặp lại N1 và H1, D kêu N1 lên xe D để chở và kêu H1 đến cây xăng Phường H, thành phố B để đón T, sau khi H1 rẽ vào cây xăng Phường H, thành phố B điều khiển xe chở N1 đến đầu hẻm nhà trọ của Huỳnh Thanh Â ở Khu phố D, Phường H, thành phố B, tỉnh Bến Tre thì N1 xuống xe và đi đâu không rõ. Sau khi đến nhà trọ của Â, D dùng xe mô tô Biển số 71B4 - 885.37 chở Â đến nhà dì của Â ở Phường G, thành phố B nhưng không gặp. Trên đường đi, D ghé vào Cửa hàng Đ ở Phường E, thành phố B để cầm điện thoại nhưng chủ cửa hàng điện thoại không nhận cầm nên D hỏi Â địa chỉ nhà của Võ Thị Minh N để đến cầm thoại của T cho N với số tiền 1.400.000 đồng. Số tiền cầm điện thoại D tiêu xài cá nhân hết.

Vật chứng thu giữ: 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Pro, màu xanh - đen đã qua sử dụng, số máy MGLR3LL/A, số seri DNQFF2K70D83, màn hình điện thoại có vết nứt (Thu giữ của Võ Thị Minh N); 01 (Một) xe mô tô Biển số 71B4 - 885.37, nhãn hiệu Honda, số loại Vario 125, màu sơn: trắng - đen, số khung: MH1JM5125NK145420, số máy: JM51E2144338; 01 (Một) dao bấm bằng kim loại, màu đen, chiều dài khi gập lại là 09cm, chiều dài khi mở ra là 15,5cm, chiều rộng 03cm có chữ "Black Sable"; 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A3S màu đỏ, ốp lưng màu xanh, đã qua sử dụng; 01 (Một) nỏ thủy tinh bên trong chứa chất rắn màu nâu trắng được niêm phong trong túi niêm phong mã Số NS3 129108. (Thu giữ của Nguyễn Nhật D).

Tại Kết luận định giá tài sản số 791/KL-HĐĐG ngày 07/10/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự thành phố B kết luận: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Pro màu xanh - đen, số máy MGLR3LL/A, số seri DNQFF2K70D83, trên mặt màn hình có vết nứt (điện thoại đã qua sử dụng): trị giá tài sản ngày 04/4/2024 là 12.500.000 đồng.

Tại Bản kết luận giám định Số 782/2024/KL-KTHS ngày 25/9/2024 của Phòng K Công an tỉnh B kết luận: chất rắn màu nâu trắng đựng trong 01 (một) nỏ thủy tinh được niêm phong trong phong bì ký hiệu NS3, mã số NS3 1929108 gửi giám định là ma túy; loại Methamphetamine; khối lượng: 0,0960 gam.

Tiến hành kiểm tra ma túy đối với Nguyễn Nhật D và Huỳnh Thanh Â kết quả D và Â đều dương tính với ma túy.

Ngày 30/10/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã trả cho Đỗ Lâm Huy T: 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Pro, màu xanh - đen đã qua sử dụng, số máy MGLR3LL/A, số seri DNQFF2K70D83, màn hình điện thoại có vết nứt.

Ngày 31/10/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã trả cho bà Tôn Thị Hồng V: 01 (Một) xe mô tô Biển số 71B4 - 885.37, nhãn hiệu Honda, số loại Vario 125, màu sơn: trắng - đen, số khung: MH1JM5125NK145420, số máy: JM51E2144338 do bà V là chủ sở hữu xe mô tô trên, bà V không biết, cũng không liên quan đến hành vi phạm tội của D;

Đối với các vật chứng còn lại gồm: 01 (Một) vỏ bao gói (nỏ thủy tinh) được niêm phong trong phong bì Số 782/2024 là công cụ sử dụng ma túy của bị can Nguyễn Nhật D; 01 dao bấm bằng kim loại, màu đen, chiều dài khi gập lại là 09cm, chiều dài khi mở ra là 15,5cm, chiều rộng 03cm có chữ "Black Sable" là công cụ bị can dùng để thực hiện hành vi phạm tội và 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A3S màu đỏ, ốp lưng màu xanh, đã qua sử dụng là tài sản riêng của bị cáo chưa xử lý.

Bị hại Đỗ Lâm Huy T đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không có yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Võ Thị Minh N yêu cầu D trả lại số tiền 1.400.000 đồng tiền N đã đưa cho D cầm điện thoại di động D chiếm đoạt của bị hại, bà Tôn Thị Hồng V là mẹ ruột của D đã thay D trả số tiền 1.400.000 đồng

cho N, bà V không yêu cầu D trả lại số tiền này. N nhận đủ tiền không yêu cầu bị cáo D bồi thường gì khác.

Quá trình điều tra, Nguyễn Nhật D đã khai nhận hành vi phạm tội, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, lời khai người làm chứng, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, vật chứng thu giữ và các chứng cứ khác do Cơ quan điều tra thu thập.

Tại cáo trạng số 95/CT-VKSTPBT ngày 20/11/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre đã truy tố bị cáo về tội "Cướp tài sản" theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Kiểm sát viên giữ nguyên nội dung cáo trạng và đề nghị:

Về hình phạt chính: Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo từ 07 đến 08 năm tù về tội "Cướp tài sản".

Về hình phạt bổ sung: đề nghị không áp dụng đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: bị hại đã nhận lại tài sản không yêu cầu gì khác nên ghi nhận; bà Tôn Thị Hồng V là mẹ ruột của D đã thay D trả số tiền 1.400.000 đồng cho N, bà V không yêu cầu D trả lại số tiền này. Chị N nhận đủ tiền không yêu cầu bị cáo D bồi thường gì khác.

Ghi nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã trả cho Đỗ Lâm Huy T: 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Pro, màu xanh - đen đã qua sử dụng; đã trả cho bà Tôn Thị Hồng V 01 (Một) xe mô tô Biển số 71B4 - 885.37, nhãn hiệu Honda, số loại Vario 125, màu sơn: trắng - đen.

Tịch thu tiêu hủy: 01 (Một) vỏ bao gói (nỏ thủy tinh) được niêm phong trong phong bì Số 782/2024 là công cụ sử dụng ma túy của bị cáo Nguyễn Nhật D; 01 dao bấm bằng kim loại, màu đen, chiều dài khi gập lại là 09cm, chiều dài khi mở ra là 15,5cm, chiều rộng 03cm có chữ "Black Sable".

Trả lại cho bị cáo 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A3S màu đỏ, ốp lưng màu xanh.

Bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng truy tố. Bị cáo không khiếu nại các hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng.

Bị cáo nói lời sau cùng: bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra công an thành phố B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ

quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình điều tra, họ đã có lời khai đầy đủ, rõ ràng, sự vắng mặt của họ không làm ảnh hưởng đến việc xét xử nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ là phù hợp quy định tại Điều 292; Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của những người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập trong quá trình điều tra, đủ cơ sở xác định: khoảng 10 giờ 30 phút ngày 04/4/2024, Nguyễn Nhật D có hành vi dùng 01 dao bấm hướng mũi nhọn về phía bị hại và đe dọa và ngay tức khắc chiếm đoạt 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Pro màu xanh - đen trị giá 12.500.000 đồng của Đỗ Lâm Huy T tại khu vực lộ B, ấp P, xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

[3] Bị cáo là người có đủ năng lực nhận thức và điều khiển hành vi, bị cáo biết rõ việc chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố ý dùng dao uy hiếp tinh thần của bị hại để chiếm đoạt 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Pro màu xanh - đen trị giá 12.500.000 đồng. Vì vậy, Cáo trạng truy tố bị cáo về tội "Cướp tài sản" theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe của người khác, gây tác động xấu đến tình hình an ninh trật tự nơi bị cáo thực hiện tội phạm, nguyên nhân phát sinh các tội phạm và các tệ nạn xã hội khác, gây tâm lý bất an trong quần chúng nhân dân.

[5] Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tiền án, tiền sự nhưng đã nhiều lần bị xử phạt vi phạm hành chính. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, bị cáo được hưởng là "Người phạm tội thành khẩn khai báo" theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Căn cứ vào nhân thân, tính chất, mức độ và hậu quả do hành vi bị cáo gây ra, xét thấy việc cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian là điều cần thiết nhằm cải tạo giáo dục bị cáo trở thành công dân lương thiện có ích cho xã hội và có tác dụng phòng ngừa chung.

[6] Hình phạt bổ sung: bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp:

Bị hại đã nhận lại tài sản không yêu cầu gì khác nên ghi nhận; bà Tôn Thị Hồng V là mẹ ruột của D đã thay D trả số tiền 1.400.000 đồng cho N, bà V không yêu cầu D trả lại số tiền này. Chị N nhận đủ tiền không yêu cầu bị cáo D bồi thường gì khác.

Ghi nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã trả cho Đỗ Lâm Huy T: 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Pro, màu xanh - đen đã qua

sử dụng là tài sản của anh T; đã trả cho bà Tôn Thị Hồng V 01 (Một) xe mô tô Biển số 71B4 - 885.37, nhãn hiệu Honda, số loại Vario 125, màu sơn: trắng - đen là tài sản của bà V cho bị cáo mượn để đi chơi, bà V không biết D sử dụng xe mô tô để đi thực hiện hành vi phạm tội.

Tịch thu tiêu hủy: 01 (Một) vỏ bao gói (nỏ thủy tinh) được niêm phong trong phong bì Số 782/2024 là công cụ sử dụng ma túy của bị cáo Nguyễn Nhật D; 01 dao bấm bằng kim loại, màu đen, chiều dài khi gập lại là 09cm, chiều dài khi mở ra là 15,5cm, chiều rộng 03cm có chữ "Black Sable" là ma túy, dụng cụ sử dụng ma túy và con dao bị cáo sử dụng để cướp tài sản.

Trả lại cho bị cáo 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A3S màu đỏ, ốp lưng màu xanh là tài sản của bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội.

[8] Đối với hành vi "Tàng trữ trái phép chất ma túy" của bị cáo không đủ yếu tố cấu thành tội phạm; đối với việc bị cáo và Â dương tính với ma túy nhưng cơ quan có thẩm quyền không chứng minh được bị cáo và Â phạm tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" nên không truy cứu trách nhiệm hình sự và đã xử phạt vi phạm hành chính là phù hợp nên ghi nhận.

Đối với việc bà V cho bị cáo mượn xe; anh Â chở bị cáo đi bán điện thoại và việc chị N mua điện thoại mà bị cáo cướp được nhưng bà V không biết bị cáo dùng xe để đi cướp tài sản, anh Â, chị N không biết tài sản do bị cáo phạm tội mà có nên không truy cứu trách nhiệm hình sự là phù hợp.

[9] Lời phát biểu luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tội danh, điều luật áp dụng, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, hình phạt, trách nhiệm dân sự đề nghị áp dụng là phù hợp nên được chấp nhận.

[10] Về án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo bị kết án nên phải nộp theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Nhật D phạm tội "Cướp tài sản".

1.1 Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Nhật D 07 (bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 06/4/2024.

2. Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp: áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy: 01 (Một) vỏ bao gói (nỏ thủy tinh) được niêm phong trong phong bì Số 782/2024 là công cụ sử dụng ma túy của bị cáo Nguyễn Nhật D; 01 dao bấm bằng kim loại, màu đen, chiều dài khi gập lại là 09cm, chiều dài khi mở ra là 15,5cm, chiều rộng 03cm có chữ "Black Sable".

Trả lại cho bị cáo 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A3S màu đỏ, ốp lưng màu xanh là tài sản của bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội.

(Vật chứng hiện Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre quản lý).

3. Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo Nguyễn Nhật D phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

4. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND thành phố Bến Tre (1b);
- Cơ quan điều tra CATP Bến Tre (1b);
- Cơ quan THAHS CATP Bến Tre (1b);
- Chi cục THADS thành phố Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- UBND P. An Hội, TPBT (1b);
- Bị cáo, NTGTT (4b);
- Bộ phận thi hành án Hình sự (3b);
- Lưu (văn phòng, hồ sơ vụ án) (2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lương Thị Thùy Dương